| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM GIÀNG – TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 4 - 2022.
*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thao và bà Hồ Thị Hiên;

***- Thư ký phiên toà***: ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà***: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 07-01-2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-3-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08-4-2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn***: chị Phạm Thị Thiên T, sinh năm 1996

***Bị đơn***: anh Vũ Văn C, sinh năm 1991

Đều KHKTT và cư trú: thôn ĐT, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD.

***Người làm chứng***:

-. Ông Vũ Văn C1, sinh năm 1968;

-. Bà Chu Thị T1, sinh năm 1968;

-. Bà Trần Thị S, sinh năm 1950;

Đều cư trú: thôn ĐT, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD.

-. Bà Vũ Thị P, sinh năm 1975;

Cư trú: thôn BQ, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD.

*Tại phiên tòa có mặt chị T; vắng mặt anh C và những người làm chứng.*

## NHẬN THẤY

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Thiên T trình bày*: chị và anh Vũ Văn C được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CĐ (nay là xã ĐS), huyện Cẩm Giàng vào ngày 12-11-2018. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về

quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xích mích. Anh C ham chơi, nợ nần, không chịu tu chí làm ăn chăm lo gia đình, hay gây sự, đánh và đuổi chị. Do không chịu đựng được, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn BQ, xã ĐS ở và vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có hướng đoàn tụ. Chị xác định không còn tình cảm với anh C, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: chị và anh C có 01 con chung là Vũ Linh Đ, sinh ngày 28-7-2019.; hiện nay cháu Đ đang ở cùng chị. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi con sau ly hôn đến khi con thành niên hoặc khi chị và anh C có yêu cầu khác; chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

*Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp*: bản sao các tài liệu trích lục kết hôn, giấy khai sinh cháu Đ, sổ hộ khẩu gia đình.

*Quá trình giải quyết vụ án*, Tòa án đã giao hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa để hướng dẫn viết bản tự khai, Thông báo quan điểm của nguyên đơn cho anh C thông qua ông Vũ Văn C1 (bố đẻ anh C); ông C1 xác nhận đã giao trực tiếp giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C.

*Tại các biên bản lấy lời khai, ông Vũ Văn C1 (bố đẻ anh C) xác nhận*: sau khi kết hôn, anh C chị T sống chung cùng vợ chồng ông. Hàng ngày vợ chồng anh C có xảy ra cãi nhau, đánh nhau. Anh C có chơi bời, nợ nần nhưng vợ chồng ông đã trả nợ cùng, không bắt chị T trả hết. Ông đã khuyên can nhưng mâu thuẫn không cải thiện; chị T đã gọi điện cho bố đẻ xuống đón về, từ đó không qua lại gia đình ông nữa. Người con dâu như chị T gia đình ông cũng không chấp nhận được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Anh C làm Công ty ở gần nhà sáng đi tối về. Về con chung: quan điểm của ông Tòa án giao cháu Đ cho chị T hay anh C nuôi đều được. Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng anh C chị T không có tài sản chung; không nợ gì vợ chồng ông.

*Tại biên bản lấy lời khai, bà Vũ Thị P ( mẹ đẻ chị T) trình bày*: sau khi cưới được hai năm bà có nghe chị T kể chuyện anh C chơi bời, nợ nần, về nhà thường hay kiếm cớ gây sự và đuổi chị nhưng chị T vẫn cố gắng ở nhà chồng vì con. Bà đã khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi; gia đình thông gia không có thiện chí. Nay chị T xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị.

*Tại các biên bản lấy lời khai,* những người hàng xóm làm chứng đều xác nhận tình cảm vợ chồng chị T anh C trong hai năm trở lại đây thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, đánh nhau. Anh C có chơi bời nợ nần nhiều người. Chị T đã được bố mẹ đẻ đến đón về không thấy quay lại nữa.

*Tại Biên bản xác minh, Chính quyền địa phương UBND xã ĐS cung cấp*: anh Vũ Văn C và chị Phạm Thị Thiên T có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐS vào ngày 12-11-2018, thể hiện tại quyển sổ số 01/2018. Sau khi cưới anh chị sống cùng

bố mẹ chồng, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau và hiện nay đã sống ly thân. Anh chị có 01 con chung là cháu Đ đang sống cùng mẹ; anh chị không có nhà đất riêng, không nợ gì địa phương, còn nợ những ai thì địa phương không nắm được. Hiện nay anh C đang làm Công ty ở gần nhà. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

**Tại phiên toà**: vắng mặt bị đơn; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu quan điểm*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

Quan hệ hôn nhân: cho chị T ly hôn anh C;

Về con chung: giao con chung Vũ Linh Đ, sinh ngày 28-7-2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

*Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: chị Phạm Thị Thiên T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết ly hôn anh Vũ Văn C đang cư trú tại xã ĐS, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

*Người tham gia tố tụng*: anh C là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về nội dung vụ án**:

*Quan hệ hôn nhân*: chị Phạm Thị Thiên T và anh Vũ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐS, huyện Cẩm Giàng vào năm 2018 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T, anh C chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh C chị T đang sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Việc anh C chơi bời, nợ nần, bỏ mặc vợ con không quan tâm là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Anh C biết việc Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện của chị T, biết việc Tòa án đến gia đình làm việc với bố đẻ anh, giao các văn bản tố tụng, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh nhưng anh vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc để đưa ra quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T; như vậy là anh C không có sự thiện chí níu kéo cuộc hôn nhân này. Xác định không còn biện pháp nào để khắc phục được tình trạng mâu thuẫn và ly thân của vợ chồng hiện nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân của chị T anh C không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Quan hệ con chung*: chị T và anh C có 01 con chung là Vũ Linh Đ, sinh ngày 28-7-2019; từ khi anh chị sống ly thân cháu Linh Đ vẫn ở cùng chị. Xét thấy, cháu Linh Đ là con gái lại còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ; trong khi anh C là người chơi bời, nợ nần, kinh tế không ổn định nên việc giao con chung cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian này là không phù hợp. Hiện tại chị T có nơi ở ổn định, có việc làm Công ty nên HĐXX giao cháu Linh Đ cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, HĐXX chấp nhận.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* chị T không yêu cầu giải quyết. Anh C biết việc Tòa án thu thập chứng để giải quyết các quan hệ trong hôn nhân nhưng anh cũng không có ý kiến gì, được coi là không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải giải quyết;

[3] **Về án phí**: chị T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ** vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Về quan hệ vợ chồng**: xử cho chị Phạm Thị Thiên T ly hôn anh Vũ Văn C.

**Về quan hệ con chung**: Giao con chung Vũ Linh Đ, sinh ngày 28-7-2019 cho chị Phạm Thị Thiên T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn đến khi con chung thành niên hoặc khi chị T, anh C có yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

**Về tài sản chung**: không yêu cầu giải quyết.

**Về án phí**: chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0002122 ngày 07-01-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

**Về quyền kháng cáo**: chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Đã ký**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

***Nơi nhận:***
*- VKSND huyện Cẩm Giàng*
*- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng*
*- Đương sự;*
*-UBND xã Cẩm Hoàng ghi vào sổ hộ tịch;*
*- L- u hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đoàn Thị Thúy**